TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Quang Năng - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, theo Quyết định mở phiên họp giải quyết số 06/2023/QĐ-ST ngày 06/01/2023, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: **Chị Trần Thị Y,** sinh ngày: 05/12/1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; hiện tạm trú tại: Nhà 08, ngõ 283, đường Nguyễn Ái Quốc, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Người yêu cầu: **Anh Võ Tá P,** sinh ngày: 24/11/1978, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 7, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại nước CHDCND Lào, đề nghị giải quyết vắng mặt;

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo nội dung Đơn khởi kiện giải quyết ly hôn của chị Trần Thị Y và ý kiến của anh Võ Tá P cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:

Chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, theo đăng ký số 01, quyển 01 ngày 15/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh và có 02 con chung. Năm 2016, anh Phúc đi lao động tại nước CHDCND Lào. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn liên lạc. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Yến, anh Phúc bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng. Nhận thấy, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể

dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trần Thị Y khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P có 02 con chung là Võ Tá Đăng K1, sinh ngày: 17/4/2014; Võ Tá Đăng K, sinh ngày: 30/12/2015. Vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh Võ Tá P thông qua thân nhân đã trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Trần Thị Y khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung chị Trần Thị Y trình bày trong đơn khởi kiện. Do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân trong thời gian dài, khoảng cách địa lý xa xôi, không tin tưởng và không muốn hàn gắn, duy trì quan hệ vợ chồng nên anh Võ Tá P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Vợ chồng thống nhất giao con chung là Võ Tá Đăng K1, sinh ngày: 17/4/2014 và Võ Tá Đăng K, sinh ngày: 30/12/2015 cho chị Trần Thị Y nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc, điều kiện đi lại khó khăn, anh Võ Tá P không về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Lào, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu cho bố mẹ đẻ là ông Võ Tá Lệ, bà Đào Thị Hảo, đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 7, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại văn bản số 130/UBND ngày 27/12/2022 của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh khẳng định: Chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Điều (nay là UBND xã T), huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, ngày 15/01/2013, tại quyển số 01, trang số 01 năm 2013. Quy trình đăng ký kết hôn được thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền và trình tự, thủ tục. Vợ chồng có 02 con chung là Võ Tá Đăng K1, sinh ngày: 17/4/2014; Võ Tá Đăng K, sinh ngày: 30/12/2015, hiện đang sinh sống cùng mẹ là chị Trần Thị Y. Anh Phúc, chị Yến chưa hòa giải hôn nhân gia đình tại chính quyền. Chị Trần Thị Y hiện đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Võ Tá P không có hộ khẩu tại địa phương.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P, về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Võ Tá Đăng K1, sinh ngày: 17/4/2014; Võ Tá Đăng K, sinh ngày: 30/12/2015 cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng; các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 25563/QLXNC-P5 ngày 28/11/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện *"Anh Võ Tá P đã xuất nhập cảnh 03 lần, lần gần đây nhất vào ngày 18/01/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước"*. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, anh Võ Tá P trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Y, không tranh chấp. Do công việc, anh Phúc không về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bố mẹ đẻ là ông Võ Tá Lệ, bà Đào Thị Hảo. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho anh Võ Tá P thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án "Ly hôn" thành "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[1.4] Chị Trần Thị Y có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 42/2022/TB-TA ngày 14/12/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khi anh Phúc đi lao động tại nước CHDCND Lào. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng. Vợ chồng ly thân từ năm 2016. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."*(Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Yến, anh Phúc như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Võ Tá P và chị Trần Thị Y có 02 con chung là Võ Tá Đăng K1, sinh ngày: 17/4/2014; Võ Tá Đăng K, sinh ngày: 30/12/2015. Hiện nay anh Võ Tá P đang lao động tại nước CHDCND Lào. Hai con hiện đang sinh sống cùng chị Trần Thị Y. Các cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, được học tập đầy đủ. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung là Võ Tá Đăng K1, sinh ngày: 17/4/2014; Võ Tá Đăng K, sinh ngày: 30/12/2015 cho chị Trần Thị Y nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp

lý mới. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Y, sinh ngày: 05/12/1986, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh; hiện tạm trú tại: Nhà 08, ngõ 283, đường Nguyễn Ái Quốc, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh và anh Võ Tá P, sinh ngày: 24/11/1978, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 7, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại nước CHDCND Lào.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của chị Trần Thị Y và anh Võ Tá P: Giao hai con chung Võ Tá Đăng K1, sinh ngày: 17/4/2014, Võ Tá Đăng K, sinh ngày: 30/12/2015 cho chị Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Anh Võ Tá P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của chị Trần Thị Y theo biên lai số 0000438 ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Bùi Quang Năng